

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG**

--- ** ---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

----- ** -----

Bản án số: 131 /2018/DS-ST

Ngày 15.8. 2018

*V/v “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Ngọc Quyên.**

- Các hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Văn Khánh.**

Bà **Lê Thị Thu Hường.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thảo Vân** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ - 363 đường Cách mạng tháng tám, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/ QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Ngô Thị M- Sinh năm: 1973; Địa chỉ: Tân Hòa 1, xã Ea Knuet, huyện Krông Pắc, Đắk Lắk. Đại diện theo ủy quyền có bà Phan Thị T- Địa chỉ: 77 Tiểu La, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.(Theo giấy ủy quyền ngày 06/4/2018 đã được UBND phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng chứng thực.) Bà T có mặt.

* Bị đơn: Bà Ông Thị L- Sinh năm 1968; Địa chỉ: tổ 19 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Bà L có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày: Do có quan hệ là chị em bà con nên vào ngày 26 tháng 9 năm 2014 bà Ngô Thị M có cho bà Ông Thị L mượn số tiền 20.000.000đ với thỏa thuận đến ngày 26 tháng 10 năm 2014 sẽ trả lại, khi mượn tiền bà L có viết giấy mượn tiền, tiếp đến vào ngày 20 tháng 7 năm 2014 bà Ngô Thị M có cho bà Ông Thị L mượn số tiền 15.000.000đ với thỏa thuận đến ngày 20 tháng 11 năm 2014 sẽ trả lại, khi mượn tiền bà L có viết giấy mượn tiền. Tiếp đến vào ngày 19 tháng 12 năm 2014 bà Ngô Thị M có cho bà Ông Thị L mượn số tiền 15.000.000đ, ngày 25 tháng 12 năm 2014 bà L mượn tiếp 20.000.000đ. Tổng các lần là 70.000.000đ, khi mượn tiền bà L có viết giấy mượn tiền.

Đến ngày 01 tháng 5 năm 2017 và ngày 17 tháng 5 năm 2017 con trai bà L tên là Sín đã trả cho bà Ngô Thị M được 5.000.000đ. Như vậy hiện bà Ông Thị L còn nợ bà Ngô Thị M số tiền 65.000.000đ, tôi yêu cầu bà L phải trả cho bà M số trên làm một lần, tôi không yêu cầu tính lãi, ngoài ra tôi không còn yêu cầu gì khác.

* Tại phiên tòa sơ thẩm bà Ông Thị L trình bày:

Do có quan hệ là chị em bà con nên vào ngày 20 tháng 7 năm 2014 tôi có mượn của bà Ngô Thị M số tiền 15.000.000đ với thỏa thuận ngày 20 tháng 11 năm 2014 tôi sẽ trả lại cho bà M số tiền trên. Tiếp đến ngày 26 tháng 9 năm 2014 tôi có mượn của bà Ngô Thị M số tiền 20.000.000đ với thỏa thuận ngày 26 tháng 10 năm 2014 tôi sẽ trả lại cho bà M số tiền trên, cả 02 lần mượn tiền tôi đều viết giấy mượn tiền. Tuy nhiên đến ngày 19 tháng 12 năm 2014 chúng tôi có thỏa thuận là viết giấy nợ số tiền 35.000.000đ nhưng thực chất là viết chung số nợ của hai lần trước nhưng lúc đó tôi tin tưởng vì tôi và chỗ bà M là chị em và lúc đó gia đình tôi gặp nhiều chuyện nên tôi không thu hồi hay hủy hai giấy nợ đã viết trước đó. Sau khi mượn tiền hàng tháng tôi trả lãi đầy đủ. Đến ngày 01 tháng 5 năm 2017 con trai tôi tên là Sín đã trả cho bà M 3.000.000đ, ngày 17 tháng 5 năm 2017 con trai tôi tiếp tục trả cho bà Ngô Thị M được 2.000.000đ. Như vậy tôi đã trả được cho bà M được 5.000.000đ. Tại bản tự khai ngày 29 tháng 5 năm 2018 tôi có khai 02 người bà con là bà Lương Thị Từ và bà Ngô Thị Lua biết việc bà M cho tôi mượn tiền. Việc 02 bà biết bà M cho tôi mượn tiền là do bà M kể cho bà Từ và bà Lua, chứ bà Từ và bà Lua không chứng kiến việc bà M cho tôi mượn tiền cũng như số tiền cho mượn cụ thể là bao nhiêu.

Hiện nay tôi còn nợ bà Ngô Thị M số tiền là 30.000.000đ nhưng vì hoàn cảnh khó khăn tôi xin trả dần bà Ngô Thị M mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi hết nợ số tiền trên, ngoài ra tôi không còn yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] - Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Ngô Thị M và bà Ông Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị T yêu cầu bà Ông Thị L phải trả lại cho bà Ngô Thị M số tiền 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng y). Đồng thời bà không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận:

Thông qua mối quan hệ là chị em bà con bà Ngô Thị M đã cho bà Ông Thị L mượn tổng số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) qua các giấy mượn tiền ngày

20/11/2014, ngày 26/9/2014 và giấy mượn tiền ngày 19/12/2014, ngày 25/12/2014. Bà Ngô Thị M thừa nhận con trai của bà Ông Thị L tên là Sin đã thay mẹ trả cho bà được 5.000.000đ (năm triệu đồng y). Do đó, bà yêu cầu bà L trả cho bà số tiền còn lại là 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng y) làm một lần trong thời gian sớm nhất và không yêu cầu lãi suất.

Bà Ông Thị L thừa nhận có mượn tiền của bà Ngô Thị M nhưng bà L cho rằng bà chỉ mượn của bà M số tiền là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 20/11/2014, ngày 26/9/2014 và đã trả được 5.000.000đ (Năm triệu đồng y) nên chỉ chấp nhận trả cho bà Ngô Thị M số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) theo phương thức trả dần mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng y) cho đến khi hết số tiền trên. Đối với giấy mượn tiền ngày 19 tháng 12 năm 2014, ngày 25/12/2014 là do bà và bà M có thỏa thuận là viết giấy nợ số tiền 35.000.000đ nhưng thực chất là viết chung số nợ của hai lần trước vỡ bà tin tưởng bà và chỗ bà M là chị em và lúc đó gia đình bà gặp nhiều chuyện nên bà không thu hồi hay hủy hai giấy nợ đã viết trước đã. Cũng như bà khai rằng 02 người bà con là bà Lương Thị Từ và bà Ngô Thị Lua biết việc bà M cho bà mượn tiền. Nhưng việc bà Từ, bà Lua biết bà M cho bà mượn tiền là do bà M kể cho bà Từ và bà Lua, chứ bà Từ và bà Lua không chứng kiến việc bà M cho bà mượn tiền cũng như số tiền cho mượn cụ thể là bao nhiêu. Bà L không thừa nhận số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) là tiền mượn của ngày 19 tháng 12 năm 2014, ngày 25 tháng 12 năm 2014 mà cho rằng đó là tiền mượn của 20/11/2014, ngày 26/9/2014 nhưng đã được viết lại. Tuy nhiên bà lại không chứng minh được lời trình bày của mình. Do đó, HĐXX xét thấy lời trình bày của bà L là không có căn cứ. Sau khi trả số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) thì bà L không trả thêm cho bà M đồng nào mặc dù bà M đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở bà L thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tại phiên tòa hôm nay bà L xin được trả dần đối với số tiền 30.000.000đ nhưng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý. Vì vậy, HĐXX xét thấy không thể thỏa mãn yêu cầu của bà L mà cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M và buộc bà Ông Thị L phải trả cho bà Ngô Thị M số tiền 65.000.000đ là phù hợp với các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Bà Ông Thị L cho rằng bà đã trả lại cho bà Ngô Thị M nhưng bà không chứng minh được đã trả bao nhiêu tiền lãi và vào thời gian nào. Do đó, HĐXX không đề cập đến.

Kể từ ngày bà Ngô Thị M có đơn yêu cầu Thi hành án nếu bà Ông Thị L không chịu trả số tiền nói trên thì hàng tháng bà Ông Thị L còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Do chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị M nên bà Ông Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $65.000.000đ \times 5\% = 3.250.000đ$ (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng y).

Hoàn trả cho bà Ngô Thị M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm: 1.750.000đ theo biên lai thu số 0000355 ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng các Điều 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;*

- *Áp dụng khoản 1 Điều 227: các điều 147, 266, 267 và 273 của BLTTDS;*

- *Áp dụng điều 6 và điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị M đối với bà Ông Thị L.

Xử: Buộc bà Ông Thị L phải trả cho bà Ngô Thị M số tiền 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng y).

Kể từ ngày bà Ngô Thị M có đơn yêu cầu Thi hành án nếu bà Ông Thị L không chịu trả số tiền nói trên thì hàng tháng bà Ông Thị L còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm bà Ông Thị L phải chịu: 3.250.000đ (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng y).

Hoàn trả cho bà Ngô Thị M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm: 1.750.000đ theo biên lai thu số 0000355 ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Ngọc Quyên

